

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **02** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **06** tháng **01** năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình;

Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình số 179/CNQB ngày 23 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 972/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình, có địa chỉ tại Khu công nghiệp Cam Liên, xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024.

Điều 2. Công ty Cổ phần Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 01).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 01) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 hết hiệu lực./.

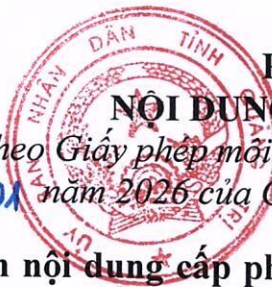
Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND xã Cam Hồng;
- Công ty CP Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *ru*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **02** /GPMT-UBND
ngày **06** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Điều chỉnh Mục 1 tại Phần A Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Nguồn phát sinh nước thải, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh không phát sinh nước thải sản xuất gồm:
 - + Không phát sinh Nguồn số 02: Nước thải bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải.
 - + Không phát sinh Nguồn số 03: Nước thải nồi hơi (định kỳ xả cặn).

1.2. Điều chỉnh Mục 2.3 tại Phần A Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất, cụ thể như sau:

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 49,5m³/ngày đêm; tương đương 2,06m³/giờ (tính theo 24 giờ).

1.3. Điều chỉnh Mục 2.3.3 tại Phần A Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	1 lần/năm
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻)(tính theo P)	mg/l	10	
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	1 lần/năm
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	

Kể từ ngày 01/01/2032 áp dụng theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Bảng 2 Cột B). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	1 lần/năm
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
3	COD	mg/l	≤ 90	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 2,5	
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000	
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	
12	Clo dư (*)	mg/l	≤ 2,0	
13	Chloroform (*)	mg/l	≤ 0,8	

Ghi chú: (*) Áp dụng theo QCVN 40:2005/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Bảng 2, Cột B).

1.4. Điều chỉnh Mục 1.1 tại Phần B Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh không có thu gom nước thải sản xuất, do không phát sinh các nguồn nước thải sản xuất gồm: Nước thải tại bể hấp thụ; Nước thải xả cặn nổi hơi.

Các nội dung khác không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị).

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.

Không phát sinh khí thải (chuyển đổi nhiên liệu sử dụng cho lò hơi từ củi trấu sang sử dụng điện, do đó không phát sinh khí thải).

3. Điều chỉnh nội dung đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Điều chỉnh Mục 1 tại Phần A Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh không phát sinh tiếng ồn, độ rung Nguồn số 1: Tại khu vực lò đốt cung cấp nhiệt cho nồi hơi.

3.2. Điều chỉnh Mục 2 tại Phần A Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh không có vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung Nguồn số 1.

Các nội dung khác không có thay đổi so với Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị)

4. Điều chỉnh về yêu cầu quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

4.1. Điều chỉnh Mục 1.3 tại Phần A Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024: Khối lượng, chủng loại chất rắn công nghiệp thông thường phát sinh, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh không phát sinh tro từ lò đốt.

Các nội dung khác không có thay đổi so với Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị).

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh.

- Công ty Cổ phần Dệt may Huế - Chi nhánh Quảng Bình chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đề nghị điều chỉnh tại Văn bản số 179/CNQB ngày 23 tháng 12 năm 2025.

- Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác không điều chỉnh của Giấy phép môi trường số 3030/GP-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định của chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan./.